

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tiếng trung tổng hợp 4		
Mã học phần:	71CHIN30203	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71CHIN30203_01_02_03		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	100	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2** trước ngày **21/10/2024**

Cách thức nộp bài (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng chính xác ngữ nghĩa của các từ ngữ và hình thái sử dụng phù hợp trong tạo câu ở mức độ trung cấp.	tự luận	100%	1,2,3,4,5,6	10 điểm	PI 2.1

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (10 câu x 0.2 điểm) 选词填空:

建议 赶快 根据 做客 要求 互相 马上 经历 利用 只好

- 1.1 她.....自己每天都要学习至少两个小时。
- 1.2 听到消息后，他.....打电话通知了家人。
- 1.3 她.....了几次失败，才找到了正确的方向。
- 1.4 他.....这次培训机会，学到了很多新东西。
- 1.5 他们俩经常.....帮助，学习也越来越进步。
- 1.6 电影快要开始了，我们.....买票进电影院吧。
- 1.7 遇到难题时，我们.....一起商量解决办法。
- 1.8天气预报，明天会下雨，请大家带好雨伞。
- 1.9 大家都提出了很多.....，我们可以从中选择最合适的。
- 1.10 今天我们要去朋友家.....，所以早点出发吧。

Câu hỏi 2: (5 câu x 0.4 điểm) 根据提示词完成下面的对话

- A: 你一... (2.1) ..., 就开始打扫，真是爱干净。(走进来，房间)
- B: 没办法，我... (2.2) ...房间不干净就不舒服，。(Bổ ngữ kết quả)
- A: 哈哈，那你家人都很爱干净吧？
- B: 是啊，我们家每个人都习惯整理东西，... (2.3) ...。(个个)
- A: 怪不得你家总是那么整齐。
- B: 是的，只要我们认真打扫，房间就会... (2.4) ...。(越来越...)
- A: 听你这么一说，我也想学着每天打扫。
- B: 一开始会有点麻烦，但环境干净了，心情也会好。
- A: 你说得对，我现在也要向你学习，... (2.5) ...。(一...就...)
- B: 嗯，这样家里会更舒服。

Câu hỏi 3: (10 câu x 0.2 điểm)改错句

- 3.1 我们坐着办公室里谈话。
- 3.2 我看见他走出去图书馆了。
- 3.3 我们公司来了这个新同事。
- 3.4 他找工作找了很长时间也不找到。
- 3.5 我已经完了老师今天交给的作业。
- 3.6 我打算在美国到明年三月工作。
- 3.7 我是今年九月来中国了。
- 3.8 我们见面过一次，我认识你。
- 3.9 他很马马虎虎地写了几个汉字。
- 3.10 我们晚上九点快要睡觉了。

Câu hỏi 4: (10 câu x 0.2 điểm)阅读后回答问题

我是前天到的北京，两年前曾经在中国学过两年汉语，是王老师的学生。这次我不是来学习的，是来旅行的。我不是一个人来的，是跟旅行团一起来的。我是旅行团的导游兼翻译。我现在还没有工作，在读研究生，研究的课题是《孔子与中国》，业余时间或寒暑假到一个旅行社去打工。这次，他们组织了一个旅游团，老板就让我陪团来了。他知道我需要经常来中国收集资料，所以，一有来中国的旅游团，就安排我陪团。我们先到香港，在香港玩儿了三天，又去了深圳，前天是从深圳坐高铁过来的。原来打算坐飞机，但是旅行团的人都没有坐过中国的高铁，很想坐坐中国的高铁，看看铁路两边的风光。旅游团后天就回去了，我跟老板说好了，晚回去几天，等送他们上了飞机，我要到山东孔子的故乡去一趟。今天下午是自由活动时间，来看看王老师。

下午见完王老师后，我带着旅游团去了北京的几个有名景点，包括故宫和天安门。大家对中国的历史文化非常感兴趣，照了很多照片。晚上，我们一起去吃了北京烤鸭，大家都说很好吃。我在饭桌上给大家讲了很多中国的历史故事和孔子的故事，大家听得很认真，还问了不少问题。晚饭后，我回到酒店整理了一下资料，想着明天还要继续带团去长城，心里有点兴奋。虽然已经去过长城几次，但每次去都有新的感觉。等送完旅游团回国后，我准备好好利用几天的时间去山东，了解孔子的故乡，为研究课题收集更多有用的信息。

根据文章内容，回答下面的问题：

- 4.1 我是什么时候到的北京？
- 4.2 两年前我在中国学习了什么？
- 4.3 我们是从中国哪里来到北京的？
- 4.4 为什么旅行团的人想坐高铁而不是坐飞机？
- 4.5 送完旅游团上飞机后，我打算去哪里？
- 4.6 我带着旅游团去了北京的哪些景点？
- 4.7 晚上我们吃了什么传统美食？
- 4.8 我在饭桌上给大家讲了什么故事？
- 4.9 大家对中国的什么非常感兴趣？

4.10 我回到酒店后为什么觉得兴奋？

Câu hỏi 5: (5 câu x 0.2 điểm) 翻译成越南语

- 5.1 看中医时，医生会用按摩，针灸等方法给病人治病。
 5.2 为了看足球，我白天在商店的门上贴了一张通知：“暂停营业”。
 5.3 今天倒霉得很，我刚出门就摔了一跤，眼镜也掉在地上了。
 5.4 骑自行车的人不遵守交通规则，也是造成交通拥挤的主要原因之一。
 5.6 现在城市里大楼越盖越多，住宅小区也越建越漂亮。

Câu hỏi 6: (5 câu x 0.2 điểm) 翻译成越汉语

- 6.1 Sau khi đến Trung Quốc, tôi đã bị cảm ba lần, nên tôi phải uống thuốc Bắc.
 6.2 Chú rể đang mặc một bộ vét màu đen, nhiệt tình mời mọi người uống rượu hỷ.
 6.3 dịp lễ Noël, tôi nhìn thấy rất nhiều người Trung Quốc cũng mua cây thông Noël.
 6.4 Mấy tấm hình này chụp đẹp lắm, tấm nào tấm nấy đều rất rõ ràng, tôi rất thích.
 6.5 Cuốn hộ chiếu của mẹ bạn đã tìm ra chưa, ngày mai là phải đem đi làm Visa rồi đó.

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		2.0	
Nội dung 1.1	要求	0.2	
Nội dung 1.2	马上	0.2	
Nội dung 1.3	经历	0.2	
Nội dung 1.4	利用	0.2	
Nội dung 1.5	互相	0.2	
Nội dung 1.6	赶快	0.2	
Nội dung 1.7	只好	0.2	
Nội dung 1.8	根据	0.2	
Nội dung 1.9	建议	0.2	
Nội dung 1.10	做客	0.2	
Câu 2		2.0	
Nội dung 2.1	进房间来	0.4	
Nội dung 2.2	看见	0.4	
Nội dung 2.3	个个都爱干净	0.4	
Nội dung 2.4	越来越干净	0.4	
Nội dung 2.5	一回到家就打扫房间	0.4	
Câu 3		2.0	
Nội dung 3.1	我们在办公室里坐着谈话。	0.2	
Nội dung 3.2	我看见他走出图书馆去了。	0.2	
Nội dung 3.3	我们公司来了个新同事。	0.2	
Nội dung 3.4	他找工作找了很长时间也没找到。	0.2	

Nội dung 3.5	我已经做完了老师今天交给的作业。	0.2	
Nội dung 3.6	我打算在美国工作到明年三月。	0.2	
Nội dung 3.7	我是今年九月来中国的。	0.2	
Nội dung 3.8	我们见过一次面，我认识你。	0.2	
Nội dung 3.9	他马马虎虎地写了几个汉字。	0.2	
Nội dung 3.10	我们晚上九点就要睡觉了。	0.2	
Câu 4		2.0	
Nội dung 4.1	前天	0.2	
Nội dung 4.2	汉语	0.2	
Nội dung 4.3	深圳	0.2	
Nội dung 4.4	因为他们没有坐过中国的高铁，他们想看看铁路两边的风光。	0.2	
Nội dung 4.5	山东，孔子的故乡。	0.2	
Nội dung 4.6	故宫和天安门。	0.2	
Nội dung 4.7	北京烤鸭。	0.2	
Nội dung 4.8	中国的历史故事和孔子的故事。	0.2	
Nội dung 4.9	中国的历史文化。	0.2	
Nội dung 4.10	因为想着明天还要继续带团去长城，所以“我”心里有点兴奋。	0.2	
Câu 5		1.0	
Nội dung 5.1	Khi khám Đông y, bác sĩ sẽ dùng các phương pháp như mát-sa, châm cứu... để trị bệnh cho bệnh nhân.	0.2	
Nội dung 5.2	Để xem bóng đá, tôi ban ngày dán một tờ thông báo lên cửa của cửa tiệm: "tạm dừng kinh doanh".	0.2	
Nội dung 5.3	Hôm nay vô cùng xui xẻo, Tôi vừa ra khỏi nhà thì bị té một cái, mắt kính cũng rơi xuống đất luôn rồi.	0.2	
Nội dung 5.4	Người đạp xe đạp không tuân thủ quy tắc giao thông, cũng là một trong những nguyên nhân gây ra ùn tắc giao thông.	0.2	
Nội dung 5.5	Bây giờ trong thành phố các toà lầu càng xây càng nhiều, khu dân cư nhà ở cũng càng xây càng đẹp.	0.2	
Câu 6		1.0	
Nội dung 6.1	来中国以后，我得过三次感冒，所以我要喝中药。	0.2	

Nội dung 6.2	新郎穿着一件黑色的西服，热情地请大家喝喜酒。	0.2	
Nội dung 6.3	圣诞节的时候，我看见很多中国人也买圣诞树。	0.2	
Nội dung 6.4	这些照片照得很好看，张张都很清楚，我很喜欢。	0.2	
Nội dung 6.5	妈妈的护照你找到了吗？明天就要拿去办签证了。	0.2	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



Mai Thu Hoài

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

Giảng viên ra đề



Hồ Đắc Quốc Anh